

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21- 7- 2025

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Văn Tha.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Loan

2. Bà Hà Thị H

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắc Lắc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đắc Lắc tham gia phiên toà:

Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại Toà án nhân dân khu vực 3 – Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2025/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1988 – Có đơn xét xử vắng mặt
Địa chỉ: 157A N, xã Q, tỉnh Đắc Lắc

Bị đơn: Anh Nguyễn Th, sinh năm 1987 – Có đơn xét xử vắng mặt
Địa chỉ: 157A N, xã Q, tỉnh Đắc Lắc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Th, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q1, huyện C, tỉnh Đắc Lắc (Nay là xã Q, tỉnh Đắc Lắc) ngày 11/11/2008. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị H và anh Th tính tình không hợp, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại từ năm 2017 đến nay. Nay chị H cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Th.

Về con chung: Chị H và anh Th có 02 con chung, là cháu Nguyễn Th1, sinh ngày 04/03/2009 và Nguyễn Cát T, sinh ngày 27/04/2013, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Th1 và cháu T đến khi các

cháu thành niên (đủ 18 tuổi), việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Th trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, anh Nguyễn Th hoàn toàn thống nhất với lời khai của chị Nguyễn Thị Mỹ H.

Trước đây cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh Th, chị H bình thường như bao gia đình khác. Năm 2017, anh Th phạm tội và đi chấp hành án 08 năm tù, trong thời gian chấp hành ở trại giam chị H rất ít khi thăm anh Th. Năm 2025 anh Th trở về địa pH sinh sống thì cảm thấy tình cảm của chị H đối với anh Th đã phai nhạt, hiện nay anh Th và chị H không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Th không đồng ý, vì muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh Th có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/cháu. Gia đình anh Th không có rẫy, anh Th đang đi làm thuê, cụ thể là trồng rẫy, thu nhập 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Th.

Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 cháu Nguyễn Th1, sinh ngày 04/03/2009 và Nguyễn Cát T, sinh ngày 27/04/2013 đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Th kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Tiến, huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk (nay

là xã Q, tỉnh Đắk Lắk) ngày 11/11/2008, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình vợ chồng chung sống, giữa chị H và anh Th sống không hạnh phúc; nguyên nhân do vợ, chồng tính tình không hợp, không thông cảm cho nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn; bản thân anh Th cũng thừa nhận, chị H không còn tình cảm, không còn quan tâm đến anh, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay; như vậy, cả chị H và anh Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Như vậy việc chị H làm đơn ly hôn với anh Th là chính đáng cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị H và anh Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Th1, sinh ngày 04/03/2009 và cháu Nguyễn Cát T, sinh ngày 27/04/2013, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Xét yêu cầu của chị H, anh Th: nguyện vọng của các cháu cũng như điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung là: Nguyễn Th1, sinh ngày 04/03/2009 và Nguyễn Cát T, sinh ngày 27/04/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Th.

Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung là: Nguyễn Th1, sinh ngày 04/03/2009 và Nguyễn Cát T, sinh ngày 27/04/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số

0004890, ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng thi hành án khu vực 3 – Đắk Lắk).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Đắk Lắk;
- UBND xã Q, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Tha